

715

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NAM GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07 /2016/NQ-HĐND

Nam Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 03

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các cấp thuộc ngân sách địa phương, giai đoạn 2017-2020;

Xét Tờ trình số 269/TTr-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2016 về Phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương, giai đoạn 2017-2020; báo cáo thẩm tra 05/BC-HĐND ngày 14/12/2016 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020.

Điều 2. Nghị quyết này áp dụng kể từ năm ngân sách 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

Điều 3 : Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; đồng thời chỉ đạo, tổ chức quản lý và điều hành theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết cho Hội đồng nhân dân huyện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá XI, kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XI
- UBMTTQVN huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- CPVP;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Zơ Râm Thị Hai

QUY ĐỊNH

Ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương, giai đoạn 2017-2020.

(Kèm theo Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND huyện Nam Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu:

1. Nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong việc quản lý sử dụng kinh phí của ngân sách nhà nước.
2. Thực hiện ổn định ngân sách trong một thời kỳ nhất định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.
3. Đảm bảo hoạt động cho các ngành, các cấp, các địa phương hoàn thành mục tiêu kinh tế xã hội, an ninh - quốc phòng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện.

Điều 2. Nguyên tắc:

1. Ngân sách cấp huyện giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ quan trọng trên địa bàn huyện, hỗ trợ những địa phương chưa thể cân đối được thu chi ngân sách.
2. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, và trình độ quản lý của mỗi cấp.
3. Phân cấp nguồn thu phải đảm bảo cho các cấp chính quyền chủ động thực hiện nhiệm vụ chi được giao; tăng cường nguồn lực cho ngân sách xã.
4. Đảm bảo sự công bằng, công khai minh bạch, phát triển cân đối giữa các cơ quan, ban, ngành, địa phương trên địa bàn để chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, vừa đảm bảo tập trung điều hành của ngân sách các cấp trong phạm vi địa phương.
5. Đảm bảo theo đúng tiêu thức phân cấp nguồn thu và phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền theo quy định, phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, theo dõi nguồn thu của các cấp ngân sách qua hệ thống thông tin quản lý ngân sách nhà nước.

Chương II

A. PHÂN CẤP NGUỒN THU

Điều 3. Các khoản thu 100% ngân sách huyện:

- a) Thu từ các khoản phí, lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện tổ chức thu, bao gồm cả lệ phí môn bài thu từ các loại hình doanh nghiệp và hợp tác xã, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ cá thể kinh doanh, phí bảo vệ môi trường đối với dầu thô và khí thiên nhiên, khí than).

b) Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất do các cơ quan thuộc cấp huyện quản lý.

c) Thu tiền cho thuê đất, mặt nước nộp hằng năm (trừ tiền thuê đất, mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí), thu tiền sử dụng đất (trừ tiền sử dụng đất tại khoản c, điểm 2, Điều 3) từ các dự án sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư kết cấu hạ tầng do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư và thu tiền sử dụng đất trong các trường hợp: Giao đất ở, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất cho các cá nhân, hộ gia đình có thu tiền sử dụng đất; bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, gắn với chuyển quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất.

d) Thu thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí).

đ) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do tỉnh cấp giấy phép.

e) Thu thuế nhà đất.

g) Tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, tiền bán tài sản nhà nước kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất phát sinh trên địa bàn cấp huyện.

h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan cấp huyện xử lý, sau khi trừ các chi phí theo quy định.

i) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp huyện.

k) Thu huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện.

l) Các khoản thu phạt, tịch thu do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quyết định xử phạt, tịch thu.

m) Thu kết dư, thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp huyện, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp huyện.

n) Thu khác ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các khoản thu 100% ngân sách xã:

a) Thu từ các khoản phí, lệ phí, kể cả lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ cá thể kinh doanh (trừ lệ phí môn bài thu từ các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường) do cấp xã quản lý tổ chức thu theo quy định.

b) Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất do các cơ quan thuộc cấp xã quản lý.

c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

d) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

đ) Thu đầu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý.

e) Thu tiền sử dụng đất thu từ dự án sử dụng quỹ đất để tạo nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng do cấp xã làm chủ đầu tư.

g) Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước (kể cả nhà ở) do cấp xã quản lý.

h) Thu tiền bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cấp xã quản lý.

i) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã.

k) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: Các khoản huy động đóng góp theo pháp luật quy định, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do HĐND xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác.

l) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã thực hiện.

m) Thu kết dư, thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp xã, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp xã.

n) Thu khác ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách (Trung ương, tỉnh, huyện, xã).

1. Nguồn thu phân chia

a) Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí (trừ thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí).

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí).

c) Thuế thu nhập cá nhân.

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế TTĐB hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước)

đ) Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu).

e) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Trung ương cấp giấy phép.

2. Tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách:

Đơn vị tính: Phần trăm (%)

TT	Nguồn thu	NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã
1	Thuế GTGT; thuế TNDN; thuế thu nhập cá nhân; thuế bảo vệ môi trường(Trừ thuế GTGT thu từ các hộ SXKD).	10	45	45	00
2	<i>Thuế GTGT thu từ các hộ SXKD</i>	<i>10</i>	<i>45</i>	<i>00</i>	<i>45</i>
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt:	10	45	45	00
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản do Trung ương cấp giấy phép:	70	00	30	00

**B. ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG
XUYÊN ĐỐI VỚI CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

Điều 6. Định mức chi sự nghiệp giáo dục.

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp huyện.

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng gồm: tiền lương theo ngạch bậc hoặc chức vụ, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo lương nếu có, các khoản đóng góp theo quy định;

- Đối với cán bộ quản lý, giáo viên và người làm việc được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng làm việc trong chỉ tiêu biên chế có mặt đến thời điểm 30/9/2016, thì tính theo quỹ tiền lương thực tế.

- Đối với giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên giáo dục thuộc chỉ tiêu biên chế được giao đến thời điểm 30/9/2016 mà chưa tuyển dụng (nếu có), được phân bổ theo hệ số 2,34 (bao gồm các khoản đóng góp theo quy định) trên mức lương cơ sở để dự nguồn cho việc tuyển dụng mới và dạy tăng, dạy thay.

b) Chi hoạt động : Chi hoạt động đảm bảo tỉ lệ 82/18: Quỹ tiền lương trong cơ cấu (82%), gồm: Tiền lương ngạch bậc hoặc chức vụ, các khoản phụ cấp (chức vụ, thâm niên vượt khung và ưu đãi) và các khoản đóng góp của cán bộ, viên chức và giáo viên được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng làm việc để xác định khoản chi hoạt động (18%). Phần 18% chi hoạt động được xem là 100% chi hoạt động thì phân bổ về cho các trường và phòng Giáo dục & đào tạo 80%, để lại 20% để chi các nhiệm vụ như: Trả nợ xây dựng, sửa chữa trường lớp học, nhà ăn, nhà ở học sinh; kinh phí dạy tăng thay, lớp ghép, mua sắm trang thiết bị và bổ sung cho các hoạt động về giáo dục-đào tạo .

c) Bổ sung:

- Hỗ trợ quỹ tiền lương cho định suất lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP với số lượng 01 xuất/ trường, theo mức hỗ trợ 2 lần mức lương cơ sở.

- Đối với Trường Phổ thông dân tộc nội trú được phân bổ tiền lương đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP theo số lao động thực tế hợp đồng có mặt tại thời điểm tháng 9/2016 nhưng tối đa không quá định suất lao động, cụ thể: Lao động làm công việc bảo vệ, tạp vụ, quản sinh: 04 suất/trường. Lao động làm công việc cấp dưỡng cho học sinh theo mức tối thiểu 35 học sinh nội trú/ 01 nhân viên.

- Đối với các trường phổ thông dân tộc bán trú, tổ chức nấu ăn cho học sinh tập trung được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí tối thiểu bằng 2 lần mức lương cơ sở/ tháng/30 học sinh; số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm 1 lần định mức, nhưng tối đa không quá 5 lần định mức nêu trên cho một trường.

- Đối với các trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí tối thiểu bằng 2 lần mức lương cơ sở/ tháng/35 học sinh; số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm 1 lần định mức, nhưng tối đa không quá 5 lần định mức nêu trên cho một trường.

- Đối với các chế độ về phụ cấp thu hút, phụ cấp lâu năm theo NĐ 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ và Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; Trợ cấp học bổng cho học sinh trường Phổ thông DTNT huyện; Chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của chính phủ; kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Quyết định 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015; kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT- BLĐTBXH- BTC ngày 31/12/2013... được bổ sung có mục tiêu hằng năm theo thực tế.

- Ngoài ra, bổ sung có mục tiêu để thực hiện mua sắm, sửa chữa trường lớp học với mức 50 triệu đồng/trường/năm.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã, thị trấn:

Định mức ngân sách phân bổ là 20 triệu đồng/xã/năm để hỗ trợ các hoạt động liên quan đến sự nghiệp giáo dục do xã quản lý.

Điều 7. Định mức chi sự nghiệp đào tạo.

1. Đối với Trung tâm Bồi dưỡng chính trị:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng; Quỹ tiền lương bao gồm: tiền lương theo ngạch bậc hoặc chức vụ, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo lương nếu có, các khoản đóng góp theo quy định;

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo 20.000.000 đồng/biên chế.

c) Chi đào tạo: 200.000.000 đồng/năm.

2. Đối với Trung tâm giáo dục thường xuyên:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng; Quỹ tiền lương bao gồm: tiền lương theo ngạch bậc hoặc chức vụ, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo lương nếu có, các khoản đóng góp theo quy định;

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo 20.000.000 đồng/biên chế.

Điều 8. Định mức chi sự nghiệp Y tế.

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp huyện.

Định mức phân bổ 250 triệu đồng/năm để hỗ trợ các hoạt động liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe của người dân và các hoạt động khác có liên quan.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã:

Định mức phân bổ 20 triệu đồng/xã/năm để hỗ trợ các hoạt động liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe của người dân, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan.

Điều 9. Định mức chi sự nghiệp văn hoá thông tin, Định mức chi sự nghiệp thể dục thể thao, Định mức chi sự nghiệp truyền thanh, truyền hình.

1. Định mức chi ngân sách cấp huyện:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng; Quỹ tiền lương bao gồm: tiền lương theo ngạch bậc hoặc chức vụ, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo lương nếu có, các khoản đóng góp theo quy định;

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) : 15.000.000 đồng/biên chế

c) Bổ sung mục tiêu:

Ngoài ra, xét tính chất hoạt động của từng ngành và khả năng nguồn thu của ngân sách huyện để bổ sung các hoạt động mang tính mục tiêu cụ thể theo từng năm ngân sách.

2. Định mức chi ngân sách cấp xã, thị trấn:

a) Định mức chi hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin cấp xã là: 80 triệu đồng/xã/năm:

- Đối với các xã, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân ($1.718 \text{ thôn}/244 \text{ xã} = 07 \text{ thôn}$, tổ dân phố/xã) thì được bổ sung thêm 04 triệu đồng/ thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

Định mức trên bao gồm hoạt động của Trung tâm văn hóa- thể thao cấp xã.

b) Định mức chi TDTT cấp xã, thị trấn:

Ngân sách cấp xã chủ yếu chi tổ chức các giải thi đấu thể thao tại xã, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao quần chúng tại cộng đồng dân cư, Chương trình phát triển TDTT ở xã, thị trấn.

- Định mức chi hoạt động thể dục thể thao là 50 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với các xã, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã = 07 thôn, tổ dân phố/ xã) thì được bổ sung thêm 03 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

Định mức trên bao gồm hoạt động của Trung tâm văn hóa- thể thao cấp xã.

c) Định mức chi sự nghiệp truyền thanh, truyền hình cấp xã:

Định mức chi sự nghiệp truyền thanh cho ngân sách cấp xã nhằm đảm bảo hoạt động và phát triển các Đài truyền thanh và trạm phát thanh FM cấp xã (chế độ tiền lương cán bộ phụ trách truyền thanh đã được tính cho cán bộ xã, cán bộ không chuyên trách xã).

- Định mức chi hoạt động truyền thanh cấp xã: 25 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với các xã, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã= 07 thôn, tổ dân phố/ xã) thì được bổ sung thêm 02 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

Điều 10. Định mức chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

Định mức phân bổ để thực hiện nhiệm vụ: bảo trợ xã hội thường xuyên, bảo trợ đột xuất; tổ chức thăm hỏi gia đình chính sách người có công; công tác xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, lao động, việc làm; quản lý đối tượng chính sách, đối tượng xã hội... theo quy định hiện hành.

1. Định mức chi ngân sách cấp huyện.

a) Bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động đảm bảo xã hội trên địa bàn: 600 triệu đồng/huyện/năm.

b) Tiêu chí bổ sung:

- Bổ sung thêm để tăng nguồn bảo trợ xã hội, vận chuyển hàng cứu trợ, dự trữ gạo cứu đói phòng chống thiên tai, lũ lụt và cứu trợ đột xuất..., với mức: 200 triệu đồng/năm.

- Bổ sung có mục tiêu theo thực tế các nhiệm vụ sau:

Hỗ trợ thăm hỏi, động viên gia đình chính sách người có công vào dịp lễ kỷ niệm ngày 27/7 và tết nguyên đán hàng năm với mức chi cụ thể: Thăm và tặng quà tết Nguyên đán là 400.000 đồng/đối tượng, thăm và tặng quà ngày 27/7 là 300.000 đồng/đối tượng.

Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng xã hội theo quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Bổ sung kinh phí chi trả trợ cấp hàng tháng cho Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 29/2016/QĐ-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Bổ sung kinh phí chi hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg.

Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định 55/2016/NĐ-CP.

2. Định mức chi ngân sách cấp xã, thị trấn:

Định mức chi hoạt động sự nghiệp đảm bảo xã hội: 50 triệu đồng/xã/năm

Đối với các xã, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân ($1.718/244 = 07$ thôn/xã) thì được bổ sung thêm 03 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn bình quân.

Điều 11. Định mức chi quản lý hành chính.

1. Định mức chi ngân sách cấp huyện:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng, gồm: tiền lương theo ngạch bậc hoặc chức vụ, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo lương nếu có, các khoản đóng góp theo quy định;

- Đối với cán bộ công chức và người lao động trong chỉ tiêu biên chế có mặt đến thời điểm 30/9/2016, thì tính theo quỹ tiền lương thực tế.

- Đối với số biên chế trong chỉ tiêu giao chưa có mặt sẽ được bổ sung khi có quyết định tuyển dụng. Hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế được phân bổ theo hệ số 2,34.

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) :

B.1: Khối nhà nước: 20.000.000 đồng/biên chế

B.2: Khối Đảng được tăng thêm 30% : 26.000.000 đồng/biên chế

B.3: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tăng thêm 20%: 24.000.000 đồng/biên chế

B.4: Kinh phí hoạt động của các đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) được tăng thêm 10%: 22.000.000 đồng/biên chế

c) Bổ sung theo mục tiêu chi hành chính:

- Bổ sung cho hoạt động của Đảng bộ, HĐND, UBND, UBMT tổ quốc Việt Nam cấp huyện theo qui định của tỉnh và khả năng nguồn thu của ngân sách huyện.

- Để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ chính sách quy định tại Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương, ngân sách phân bổ thêm kinh phí chi hoạt động đối với Tổ chức Đảng bộ cơ sở, Chi bộ cơ sở và Chi bộ trực thuộc với các mức: Đảng bộ cơ sở 10 triệu đồng/năm; Chi bộ cơ sở 5 triệu đồng/năm; Chi bộ trực thuộc 3 triệu đồng /năm.

- Bổ sung để hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp hoạt động gắn liền với nhiệm vụ của nhà nước. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng tổ chức do HĐND huyện quyết định từng năm.

- Bổ sung hoạt động đối với cán bộ, công chức của cấp huyện là thành viên của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và UBMT tổ quốc Việt Nam tỉnh, mức chi: 30 triệu đồng/người/năm.

- Bổ sung quỹ tiền lương cho định suất lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP theo hệ số lương và các khoản đóng góp theo quy định.

- Bổ sung mua sắm, sửa chữa theo khả năng ngân sách huyện hàng năm.

- Đối với chế độ phụ cấp cấp ủy cấp huyện, phụ cấp đại biểu HĐND cấp huyện, phụ cấp của Hội đặc thù được tính theo thực tế.

2. Định mức chi ngân sách cấp xã, thị trấn:

2.1) Định mức phân bổ cho cán bộ công chức và chuyên trách cấp xã, thị trấn:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương đối với cán bộ công chức và chuyên trách cấp xã (bao gồm cả BHXH, BHYT) theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng.

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo: 12.000.000 đồng/biên chế.

c) Bổ sung theo mục tiêu chi hành chính:

- Bổ sung kinh phí hoạt động của 5 Đoàn thể cấp xã với mức 160 triệu đồng/năm. Hội đồng nhân dân cấp xã, căn cứ kế hoạch và tình hình hoạt động cụ thể trong năm của từng Đoàn thể mà có sự phân bổ phù hợp.

- Để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ chính sách quy định tại Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương, ngân sách phân bổ thêm kinh phí chi hoạt động đối với Tổ chức Đảng bộ cơ sở, Chi bộ cơ sở và Chi bộ trực thuộc với các mức: Đảng bộ cơ sở 10 triệu đồng/năm; Chi bộ cơ sở 5 triệu đồng/năm; Chi bộ trực thuộc 3 triệu đồng/năm.

- Bổ sung kinh phí hoạt động của Đảng bộ, HĐND, UBND, UBMT tổ quốc Việt Nam cấp xã với mức 300 triệu đồng/xã/năm. Cụ thể: Đảng ủy xã: 80 triệu đồng/năm, HĐND xã: 50 triệu đồng/năm, UBND xã: 120 triệu đồng/năm, UBMT tổ quốc Việt Nam cấp xã : 50 triệu đồng/năm.

- Kinh phí hỗ trợ đối với Ban công tác Mặt trận ở Khu dân cư được phân bổ thực tế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014 (5 triệu đồng/khu dân cư, riêng đối với Khu dân cư thuộc vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì được phân bổ với mức 7 triệu đồng/khu dân cư).

- Bổ sung kinh phí hoạt động cho Chi hội thôn tại các xã đặc biệt khó khăn theo thông tư 49/2014/TT-BTC với mức 2 triệu đồng/Chi hội/năm.

- Bổ sung mua sắm, sửa chữa với mức 50 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với chế độ phụ cấp cấp ủy cấp xã, phụ cấp đại biểu HĐND cấp xã, phụ cấp Hội đặc thù được tính theo thực tế.

2.2) Cán bộ không chuyên trách cấp xã (bao gồm cả nhân viên thú y xã):

- Phân bổ đủ quỹ tiền lương phụ cấp cán bộ không chuyên trách xã (bao gồm cả BHXH, BHYT tự nguyện) theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng

- Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo: 5.000.000 đồng/biên chế.

2.3) Định mức chi cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- Bao gồm các chế độ: Phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại Nghị quyết số 30/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh, hỗ trợ đóng góp bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện cho cán bộ thôn, tổ dân phố quy định tại NQ 155/2009/NQ-HĐND ngày 10/12/2009 của HĐND tỉnh. Phân bổ theo tiêu chí: Phân bổ đủ phụ cấp, các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định cho những người hoạt động không chuyên trách.

- Chi hoạt động 10 triệu đồng/thôn/năm.

Điều 12. Định mức chi an ninh địa phương, Định mức chi quốc phòng địa phương, Định mức chi sự nghiệp kinh tế, Định mức chi sự nghiệp môi trường:

1/ Phân bổ chi cho trạm Kỹ thuật nông lâm nghiệp, Đội quản lý trật tự xây dựng (phân bổ chi trong nguồn Sự nghiệp kinh tế) cụ thể như sau:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng; Quỹ tiền lương bao gồm: Tiền lương theo ngạch bậc hoặc chức vụ, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo lương nếu có, các khoản đóng góp theo quy định;

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo 10.000.000 đồng/biên chế.

2/ Các nhiệm vụ chi sự nghiệp kinh tế còn lại, chi an ninh, chi quốc phòng: Phân bổ theo qui định của tỉnh.

3/ Định mức chi an ninh-quốc phòng, chi sự nghiệp môi trường cấp xã, thị trấn:

a) Phân bổ kinh phí chi hoạt động giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội cấp xã: 40 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với các xã, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã = 07 thôn/ xã) thì được bổ sung thêm 03 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

- Đối với xã chưa thành lập lực lượng công an chính quy được hỗ trợ 10 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với các xã loại 1 được bổ sung 10 triệu đồng/xã/năm; xã loại 2 bổ sung 8 triệu đồng/xã/năm; xã loại 3 bổ sung 5 triệu đồng/xã/năm.

- Kinh phí thực hiện chế độ đối với Ban Bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 137/2009/NQ-HĐND tỉnh; kinh phí chi trả phụ cấp cho Công an viên thường trực ở xã và kinh phí trực cho xã trọng điểm về an ninh được bổ sung theo mức chi quy định.

b) Định mức phân bổ kinh phí chi hoạt động Quốc phòng cấp xã: 40 triệu đồng/xã/năm

- Đối với các xã, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã= 07 thôn/ xã) thì được bổ sung thêm 03 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

- Bổ sung: Đối với các xã loại 1 được bổ sung 10 triệu đồng/xã/năm; xã loại 2 bổ sung 8 triệu đồng/xã/năm;

c) Định mức chi sự nghiệp môi trường: 40 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với thị trấn được bổ sung thêm 1 lần định mức nêu trên để cùng định mức giải quyết môi trường ở đô thị.

- Đối với các xã, phường, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã= 07 thôn/ xã) thì được bổ sung thêm 05 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

Điều 13. Định mức chi khác ngân sách.

Định mức chi khác ngân sách cho từng cấp ngân sách hằng năm theo qui định của các cấp ngân sách.

Điều 14. Dự phòng ngân sách.

Phân bổ vào dự toán ngân sách từng cấp khoản dự phòng ngân sách hằng năm theo qui định của các cấp ngân sách.

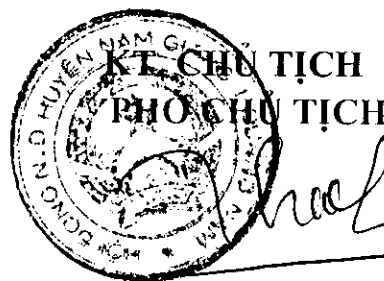
Điều 15. Một số nội dung khác

- Hàng năm bố trí đủ kinh phí cho các đơn vị dự toán để chi trả nâng lương định kỳ (kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định)

- Ngoài ra các định mức chi không có trong Nghị quyết này thì thực hiện đúng theo định mức chi theo qui định của tỉnh.

- Hàng năm bố trí đủ kinh phí hoạt động cho HDND huyện, xã theo nhiệm vụ chi, định mức chi do Quốc hội, HĐND tỉnh quy định.

- Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách huyện, UBND huyện sẽ trình HDND huyện tăng thêm số bổ sung so với năm đầu thời kỳ ổn định cho các ngành, địa phương để đảm bảo cân đối nhiệm vụ chi cho các ngành, địa phương./.



Zơ Râm Thị Hai